

NGHỆ THUẬT NGOẠI GIAO VỚI CÁC CƯỜNG QUỐC CỦA HỒ CHÍ MINH TẠO LẬP VỊ THẾ CỦA VIỆT NAM TRÊN BÀN CỜ CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ

ThS NGUYỄN MINH KHOA*

Nghệ thuật ngoại giao với các nước lớn của Hồ Chí Minh nhằm kiến tạo một chủ thể ngoại giao hợp hiến, giành độc lập, tạo không gian hòa bình, đảm bảo an ninh và tự do, từng bước tạo lập vị thế của Việt Nam trên bàn cờ chính trị quốc tế. Nghệ thuật ngoại giao với các cường quốc của Hồ Chí Minh luôn thể hiện tính chất độc lập, không “nhất biên đảo”, theo nước này chống lại nước khác, tự nguyện xây dựng “tín tâm”, thân thiện và hiểu biết lẫn nhau: “An ninh và tự do chỉ có thể được bảo đảm bằng sự độc lập của chúng ta đối với bất kỳ một cường quốc thực dân nào, và bằng sự hợp tác tự nguyện của chúng ta với tất cả các cường quốc khác”¹.

1. Tìm kiếm sự ủng hộ của các cường quốc trong cuộc vận động Cách mạng tháng Tám

Khi chiến tranh Thái Bình Dương nổ ra, Hồ Chí Minh đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam đứng về phe dân chủ chống phát xít xâm lược. Song song với việc chủ động xây dựng lực lượng cách mạng trong nước về mọi mặt, Hồ Chí Minh nỗ lực chủ động thiết lập quan hệ, tìm kiếm sự ủng hộ của các nước đồng minh để kháng Nhật cứu nước. Từ căn cứ của phong trào kháng chiến ở Việt Bắc, Hồ Chí Minh đã hai lần bí mật sang Côn Minh để giao thiệp với các cường quốc đồng minh và tìm hiểu tình hình thế giới. Ở Côn Minh lúc đó có Bộ tổng tham mưu của

tướng Hà Ứng Khâm (Quốc dân đảng), các cơ quan quân sự của Mỹ, Anh, Pháp. Lần thứ nhất đi Trung Quốc, với tên mới Hồ Chí Minh, Người đã bị chính quyền Quốc dân đảng bắt giam 13 tháng. Một năm sau đó tham gia Hội nghị đại biểu của Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội theo đề nghị của tướng Trương Phát Khuê, Hồ Chí Minh đã thiết lập mối quan hệ tốt với các tướng lĩnh của Tưởng Giới Thạch đang gấp rút chuẩn bị cho kế hoạch “Hoa quân nhập Việt”. Hồ Chí Minh chủ trương tranh thủ Trung Quốc làm cầu nối trong việc giao thiệp với các nước lớn thuộc phe dân chủ chống phát xít nhưng không được ảo tưởng với Tưởng Giới Thạch. Lần thứ hai, Hồ Chí Minh khéo léo tận dụng cuộc giải cứu phi công Mỹ, trung úy Shaw làm cầu nối cho cuộc gặp gỡ với các thành viên chủ chốt của các cơ quan của Mỹ đóng ở Côn Minh (2.1945) để tranh thủ sự ủng hộ của lực lượng Mỹ đối với cách mạng Việt Nam. Sự đối đãi của Hồ Chí Minh với Shaw đã làm thay đổi cách tiếp cận Việt Minh của tướng Chennault chỉ huy đơn vị không quân số 14 của Mỹ: “Tôi nhiệt liệt ủng hộ việc duy trì mối quan hệ tốt đẹp với bất kỳ tổ chức nào tại Đông Dương thuộc Pháp giúp đỡ một cách hiệu quả việc giải thoát lính Mỹ, có thể yêu cầu sự trợ giúp tại nước đó, bất chấp thái độ chính trị của họ”². Tướng Chennault coi trọng cuộc gặp gỡ ngắn ngủi với Hồ Chí Minh, nó có tác dụng đặc biệt quan trọng cho mối quan hệ giữa Việt Minh và Mỹ. Theo đề nghị của Hồ Chí

* Học viện Chính trị khu vực III

Minh, lực lượng Mỹ đã cung cấp cho Việt Minh máy phát điện, máy điện đài cùng nhân viên vận hành, thiết bị dự báo thời tiết, thuốc men, dụng cụ nhỏ và sáu khẩu súng lục tự động. Tác giả Dixxe R. Bartholomew-Feis nhận xét: “Hồ Chí Minh đang trở thành bậc thầy trong giao thiệp với người Mỹ, thậm chí cả những người Mỹ gốc Anh”³. Trong khi không được Liên Xô chú ý, bị Tưởng-Pháp xem là đối tượng cần phải tiêu diệt, lực lượng nước ngoài duy nhất đứng cạnh Hồ Chí Minh trong cuộc vận động cách mạng tháng Tám lại là Hoa Kỳ.

2. Chủ động đề xuất trụ cột hợp tác, kiên trì đấu tranh nhưng tôn trọng thể diện của nước Mỹ

Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, trên bàn cờ chính trị quốc tế, Hồ Chí Minh ví nước Mỹ như con tướng của phe trắng, tiếp tục nắm giữ vị trí lãnh đạo các nước tư bản chủ nghĩa. Hoa Kỳ dần đi đến những thỏa hiệp với nước Pháp về vấn đề Đông Dương. Mặc dù vậy, Hồ Chí Minh vẫn kiên trì sử dụng con đường ngoại giao một cách linh hoạt, khéo léo để đề nỗ lực tìm kiếm những điểm khởi đầu hướng tới việc thiết lập quan hệ hợp tác với Hoa Kỳ. Từ cuối tháng 8.1945 đến tháng 2.1946, Hồ Chí Minh đã mười ba lần gửi điện, thư, công hàm đến Tổng thống và Ngoại trưởng Hoa Kỳ. Chỉ riêng tháng 11.1945, Hồ Chí Minh năm lần giao thiệp với chính phủ Hoa Kỳ. Điều đó cho thấy Hồ Chí Minh luôn coi trọng việc thiết lập quan hệ ngoại giao với nước Mỹ.

Ngay sau khi Bảo Đại tuyên bố thoái vị, Hồ Chí Minh gửi công điện đến Tổng thống Truman yêu cầu để cho phái đoàn Mỹ được làm thành viên của Ủy ban Liên tịch các nước đồng minh có nhiệm vụ ở Việt Nam và đặt quan hệ với chính phủ Lâm thời Việt Nam đó là chính phủ duy nhất có quyền đại diện hợp pháp trong ủy ban đó. Khi lực lượng quân đội Anh vi phạm đến những quyền tự nhiên của người Việt Nam ở Nam bộ, Hồ Chí Minh gửi thư yêu cầu Truman can thiệp để nhà chức trách Anh bãi bỏ những biện pháp đe dọa hòa bình. Trong hai bức thư gửi Ngoại trưởng và Tổng Thống Mỹ, Hồ Chí Minh đề nghị văn hóa - giáo dục và kinh tế là hai lĩnh vực cần thiết mở đầu trong hợp tác Mỹ - Việt. Vượt qua mọi khác biệt, đó là hai trụ cột hợp tác đầu tiên mang lại lợi ích chung cho cả hai nước. Về lĩnh

vực văn hóa giáo dục, Hồ Chí Minh đề nghị gửi năm mươi thanh niên Việt Nam sang Mỹ với ý định một mặt thiết lập những mối quan hệ văn hóa thân thiện với thanh niên Mỹ, mặt khác để nghiên cứu về kỹ thuật, nông nghiệp cũng như các lĩnh vực chuyên môn khác. Về kinh tế, Hồ Chí Minh đề nghị trước mắt Hoa Kỳ cùng các cường quốc giúp Việt Nam giải quyết nạn đói khủng khiếp đang đe dọa mạng sống của hàng triệu người. Ngay khi Truman công bố chính sách đối ngoại mười hai điểm, Hồ Chí Minh đã viết thư gửi Tổng thống Mỹ bày tỏ sự đón chào nồng nhiệt của nhân dân Việt Nam, vì chính sách đó đặt nền móng cho hòa bình và hạnh phúc của nhân loại và trước hết là cho các dân tộc nhỏ yếu.

Trong lúc Hồ Chí Minh đang tìm kiếm sự ủng hộ của các nước lớn, thì nổi lên cuộc đấu tranh về mặt ý thức hệ giữa hai siêu cường Mỹ-Xô. Trong bối cảnh đó, Truman đi ngược lại những tuyên bố của chính mình và người tiền nhiệm. Nước Mỹ ưu tiên cho mối quan hệ với nước Pháp, và như vậy, mọi đề nghị của Hồ Chí Minh bị lãng quên. Rõ ràng, trong trật tự thế giới mới sau chiến tranh, dù có vị trí địa-chính trị đặc biệt quan trọng, nhưng trong cuộc cạnh tranh để giành ảnh hưởng của Liên Xô đối với nước Pháp, Việt Nam trở thành vấn đề thứ yếu trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ. Mặc dù nhận thức rõ tham vọng của Mỹ và nguy cơ Mỹ nhưng việc giữ quan hệ thân thiện với nước Mỹ giúp Hồ Chí Minh tạo được niềm tin và giữ được ổn định trong quan hệ với Tưởng Giới Thạch. Việc Hồ Chí Minh “xử lý khôn khéo mối quan hệ với các nước lớn và Liên hợp quốc đã giúp Việt Nam tránh được một mình phải đối phó với nhiều kẻ thù cùng một lúc, tranh thủ thời gian hòa hoãn để chuẩn bị lực lượng bước vào cuộc kháng chiến”⁴.

Khi cục diện thế giới dần phân chia thành hai cực, trả lời câu hỏi của phóng viên Mỹ rằng Chủ tịch thân Mỹ hay chống Mỹ? Hồ Chí Minh bày tỏ tâm lý riêng của mình. Trước kia người Việt Nam rất mến người Mỹ bởi vì mến lời Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ, thái độ thành thực của người Mỹ trong hợp tác chống Nhật và chính sách sáng suốt của Tổng thống Mỹ đối với các dân tộc nhỏ yếu. Nhưng nay thì tâm lý hơi khác vì thái độ của những

người Mỹ quan trọng đã thay đổi. Mỹ viện trợ khí giới, lương thực cho quân đội Pháp và nhiều người Mỹ tin vào những lời giả dối của Pháp cho rằng Việt Nam theo mệnh lệnh của Kremlin và Kominform⁵. Sau hội nghị Geneva, Mỹ trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân Việt Nam. Trong khi lãnh đạo nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, Hồ Chí Minh vẫn kính trọng nhân dân Mỹ, gửi thông điệp đến chính phủ và nhân dân Mỹ rằng Việt Nam sẵn sàng trải thảm đỏ, hoan tống họ trong danh dự bằng nhạc và hoa vì nước Mỹ có vấn đề thể diện. Người đã giải thích cho chủ bút của tờ nhật báo Acansát và tờ Tin Maiami trong một cuộc tiếp xúc bí mật tại Hà Nội năm 1967 rằng Việt Nam không đánh Hoa Kỳ, không phạm một hành động đối địch nào vào lãnh thổ Hoa Kỳ. Cũng vì thể diện, dù kính trọng nhân dân Mỹ nhưng Việt Nam không cúi đầu đi xin hòa bình. Việt Nam sẵn sàng hoan nghênh người Mỹ đến không phải với tư cách người lính cầm vũ khí mà với tư cách nhà khoa học, kỹ thuật, văn hóa... để giúp Việt Nam xây dựng lại đất nước. Việt Nam không ngăn ngại hợp tác với nhân dân Mỹ vì kỹ thuật họ cao, kỹ thuật của Việt Nam thấp, họ có thể giúp đỡ. Ngược lại, Việt Nam có những cái có thể giúp người Mỹ. Người khẳng định: “Các ông hãy tin tôi khi tôi nói rằng tôi sẽ rất sung sướng đón tiếp Tổng thống Mỹ đến đây một cách hòa bình. Chúng tôi chìa bàn tay hữu nghị ra với bất kỳ quốc gia nào thừa nhận Việt Nam là một nước tự do và độc lập”⁶. Người đã gửi thông điệp đến người đứng đầu chính phủ Hoa Kỳ rằng nếu Hoa Kỳ muốn có bất kỳ một cuộc tiếp xúc trực tiếp nào thì cơ quan ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài có thể thu xếp được. Với cách ứng xử linh hoạt đó trong những cuộc tiếp xúc bí mật, Việt Nam và Hoa kỳ dần xích lại với nhau chuẩn bị cho một cuộc hòa đàm trực tiếp khó khăn, lâu dài nhằm kết thúc một giai đoạn đau thương trong lịch sử quan hệ giữa hai nước.

3. Nghệ thuật ngoại giao cân bằng với Trung Quốc và Liên Xô

Liên Xô và Trung Quốc là hai nước lớn cùng ý thức hệ, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến cách mạng Việt Nam. Liên Xô từng là nước đứng đầu các nước dân chủ, là một trong những người bạn chung thủy nhất và vô tư nhất đối với Việt Nam. Trung Quốc là một

cường quốc núi liền núi, sông liền sông với Việt Nam. Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, mối quan hệ Việt-Trung được Hồ Chí Minh ví như răng với môi, môi hở răng buốt, vận mệnh hai dân tộc không thể tách rời: “An nguy tha nhật chung tu trợ, cam khổ lai thời yếu cộng thương. Nghĩa là: Những ngày sống chết cùng dựa vào nhau, lúc đắng cay ngọt bùi cùng nhau san sẻ”⁷. Hơn thế nữa, theo thỏa thuận giữa Lưu Thiếu Kỳ và Stalin (7.1949), Trung Quốc giữ vai trò đầu tàu đối với cách mạng phương Đông. Do vậy, tận dụng thời cơ mở toang cánh cửa phía Bắc để hai cường quốc Xô-Trung và các nước dân chủ khác công nhận Việt Nam, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng thiết lập mối quan hệ với cường quốc láng giềng. Sự am hiểu tình huống lịch sử, văn hóa Trung Quốc làm cho Hồ Chí Minh luôn được giới lãnh đạo Trung Quốc quý trọng, tin tưởng. Trong bức điện gửi tới chủ tịch Mao Trạch Đông chúc mừng ngày thành lập nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Hai dân tộc Việt - Hoa có mối quan hệ anh em trải mấy nghìn năm lịch sử. Từ đây, mối quan hệ ấy sẽ càng mật thiết để phát triển tự do và hạnh phúc của hai dân tộc ta, và để bảo vệ dân chủ thế giới và hoà bình lâu dài”⁸. Từ ngày 2.1 đến ngày 2.4.1950, Hồ Chí Minh bí mật thăm Trung Quốc và Liên Xô, chuyến đi kéo dài ba tháng (từ 2.1.1950 đến 2.4.1950). Sau khi rời khỏi Tân Trào, trên đường đi Bắc Kinh, Hồ Chí Minh tuyên bố về đường lối đối ngoại: “Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là Chính phủ hợp pháp duy nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam. Căn cứ trên quyền lợi chung, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hoà bình và xây đắp dân chủ thế giới”⁹. Tuyên bố đó mở đường cho hai nước Việt-Trung thiết lập quan hệ ngoại giao vào ngày 15 và 18.1.1950. Nếu Pháp là cường quốc đầu tiên công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do thì Trung Quốc là cường quốc đầu tiên công nhận Việt Nam là một quốc gia độc lập, tự do, có chủ quyền. Từ ngày 30.1 đến 13.3.1950 Liên Xô và tám nước xã hội chủ nghĩa lần lượt công nhận Việt Nam. Đó là một thắng to lớn của nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh, tạo

nên cơ sở pháp lý quốc tế vững chắc đầu tiên xác nhận một cách đầy đủ chuyến thăm của Hồ Chí Minh với tư cách là nguyên thủ quốc gia có chủ quyền. Bốn năm trước Hồ Chí Minh thăm nước Pháp trong 147 ngày, chỉ với tư cách vị thượng khách, của nước Việt Nam tự do, chưa có chủ quyền ngoại giao. Đúng như Hồ Chí Minh giải thích để được các nước khác công nhận cần phải có thời gian. Trong thời gian ở Bắc Kinh (21.1-3-2.1950), Hồ Chí Minh hội đàm với các nhà lãnh đạo cấp cao Trung Quốc về những vấn đề của cách mạng Việt Nam và quan hệ giữa hai nước. Trong cuộc hội đàm với Lưu Thiếu Kỳ, các đồng chí Trung Quốc hối thúc Việt Nam thực hiện cải cách ruộng đất. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh đã khéo léo từ chối đề nghị đó.

Để xóa tan những nghi ngại và cung cấp thông tin chính xác cho ban lãnh đạo Liên Xô về Việt Nam, từ Trung Quốc, Hồ Chí Minh gửi điện đề nghị Liên Xô thu xếp một chuyến thăm bí mật. Vì nếu Pháp biết Hồ Chí Minh rời khỏi Việt Nam, có thể họ sẽ có những hành động chính trị và quân sự nguy hiểm. Lúc đó, Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai đang ở Liên Xô để đàm phán với Stalin về Hiệp định hợp tác, nên Hồ Chí Minh đề nghị được đến thẳng chỗ Stalin. Lãnh đạo tối cao Liên Xô suốt 29 năm, Stalin là con người đứng theo nghĩa tiếng Nga “rắn như thép”, luôn dè chừng những lãnh đạo tự tin và có chính kiến, đã từng loại bỏ những người muốn tiếp tục chính sách của V.I.Lênin¹⁰. Hội đàm với Stalin, Hồ Chí Minh khiêm nhường làm sáng tỏ những vấn đề cách mạng Việt Nam. Sự ứng xử thông minh, khéo léo và khiêm nhường của Hồ Chí Minh đã xóa tan mọi nghi ngại của Stalin về cách mạng Việt Nam. Stalin giải thích, trước đây do thiếu thông tin về cách mạng Việt Nam, sau khi nghe Hồ Chí Minh trình bày, Stalin tán thành đường lối cách mạng của Việt Nam do Hồ Chí Minh lãnh đạo, tỏ thái độ đồng ý viện trợ cho cách mạng Việt Nam thông qua Trung Quốc. Stalin mở tiệc chiêu đãi Hồ Chí Minh, Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai, tham dự có nhiều lãnh đạo cao cấp của Liên Xô như Malenxốp, Mólôtốp, Khrútxốp... Trong không khí thân tình, Hồ Chí Minh đề nghị có một hiệp ước hữu nghị với Liên Xô nhưng Stalin đã khéo léo từ chối với lý do đây là chuyến thăm bí mật¹¹. Tuy nhiên, Hồ Chí

Minh đã chủ động, khéo léo tạo nên một cuộc gặp tay ba giữa ba nhà lãnh đạo. Cuộc gặp mang lại những kết quả to lớn. Stalin và Mao Trạch Đông đồng ý với Hồ Chí Minh sẽ trang bị vũ khí cho sáu đại đoàn bộ binh Việt Nam. Mao Trạch Đông khẳng định tỉnh Quảng Tây sẽ là hậu phương trực tiếp của Việt Nam¹². Dù đang khó khăn nhưng ngay sau chuyến thăm của Hồ Chí Minh, Trung quốc đã cung cấp cho Việt Nam 1.020 tấn vũ khí, 180 tấn quân trang quân dụng, 2.634 tấn gạo, 20 tấn thuốc và dụng cụ quân y, 800 tấn hàng quân giới, 30 xe ô tô¹³. Sau bốn năm kiên trì, khéo léo liên lạc qua các ngã đường khác nhau từ Bangkok, Yanggoon, Newdhlí và từ Bắc Kinh, Hồ Chí Minh đã thiết lập được con đường ngoại giao trực tiếp từ Hà Nội đến Bắc Kinh, Moscow và thủ đô nhiều nước dân chủ khác. Thiên tài nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh đã chính thức chấm dứt thời kỳ Việt Nam “chiến đấu trong vòng vây”, mở ra một giai đoạn mới đưa Việt Nam hòa nhập vào khối 800 triệu nhân dân chống đế quốc. Đây chính là lực lượng to lớn giúp Việt Nam cả về vật chất lẫn tinh thần để đánh thắng đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Từ chỗ Mỹ đứng đầu, đến những năm cuối của thập kỷ 1950 Trung Quốc và Liên Xô chính thức trở thành đối thủ trong một cuộc cờ mới với thế giằng co, luận chiến quyết liệt bằng những ngôn từ khó chấp nhận, cuối cùng bùng nổ thành chiến tranh năm 1969. Ở châu Á, Liên Xô hướng mâu thuẫn chủ yếu vào Trung Quốc, gọi Mao Trạch Đông giống như “một con gà trống hiếu chiến chỉ biết đâm đầu vào chiến tranh”, là “kẻ bóp chết hòa bình”. Ngay lập tức, chính sách ngoại giao của Trung Quốc thay đổi coi Liên xô là kẻ thù số một nằm sát sườn có chung đến gần 2000km biên giới, không cách biệt bởi một Thái Bình Dương rộng lớn như Mỹ. Người Trung Hoa xưa kia cũng từng nói “cận công viễn giao”. Cục diện đó đặt ngoại giao Việt Nam trước tình huống khó khăn, thách thức nghiêm trọng: “Từ mâu thuẫn đến đối địch, cả hai nước đều muốn lợi dụng, lôi kéo Việt Nam trên bàn cờ chính trị, đặc biệt là muốn biến Việt Nam trở thành “con bài” trong quan hệ với Mỹ”¹⁴. Hồ Chí Minh đã đúc rút kinh nghiệm từ bài học “nhất biên đảo” của những người cộng sản Hy Lạp khi họ chịu ảnh hưởng của

cả Nam Tư và Liên Xô là hai nước xã hội chủ nghĩa kinh địch nhau trong giai đoạn 1946-1949. Để tránh được những tác động ngược chiều rất lớn từ hai cường quốc xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh khéo léo bày tỏ tình đoàn kết thân thiện với các nhà lãnh đạo hai nước bằng nhiều hình thức khác nhau. Hồ Chí Minh trực tiếp đi Trung Quốc và Liên Xô để thực hiện sứ mệnh hòa giải. Phía Liên Xô thuận tình. Tuy nhiên, vì bị miệt thị nặng nề từ các nhà lãnh đạo Liên Xô, sau khi lắng nghe Hồ Chí Minh bày tỏ, Mao Trạch Đông đã nói rằng: “Mâu thuẫn Trung Xô phải một vạn năm mới giải quyết được, Nhưng Hồ Chủ tịch tốt quá thì tôi giảm đi 1000 năm, còn 9000 năm vậy”¹⁵. Tháng 2.1965, Khi A.Kosygin tới thăm Trung Quốc hy vọng dừng cuộc luận chiến. Nhưng Mao Trạch Đông đòi hỏi Đảng cộng sản Liên Xô phải sửa lại đường lối Đại hội XIX và XX, nếu không cuộc luận chiến sẽ kéo dài một vạn năm, nếu nhân nhượng lớn nhất cũng chỉ 1000 năm, còn lại 9000 năm¹⁶. Mặc dù mềm dẻo, tôn trọng và thân thiện nhưng Hồ Chí Minh vẫn giữ đúng lập trường, không “nhất biên đảo”, kiên định đoàn kết hai nước đứng đầu khối xã hội chủ nghĩa với nhau. Bày tỏ với các nhà báo tại Moscow năm 1957, Hồ Chí Minh nói ít nhiều cũng có thể coi Người là một người dân kỹ cựu của thành phố này, rất vui mừng trước sự lớn mạnh của các nước xã hội chủ nghĩa, tin vào sự đoàn kết thống nhất của các nước anh em. Tin rằng nếu Mác, Ăngghen và Lênin được thấy những người của mình thì các vị ấy sẽ rất hài lòng.

Trước việc Trung Quốc đòi hỏi Việt Nam phải có thái độ dứt khoát với Liên Xô, “chống đế quốc đồng thời phải chống xét lại”. Chống đế quốc là chống Mỹ, chống xét lại là chống Liên Xô, Hồ Chí Minh rất mềm mỏng bày tỏ với Lưu Thiểu Kỳ về sự cần thiết của tình đoàn kết giữa các đảng cộng sản và công nhân quốc tế, trong đó có Trung Quốc và Liên Xô. Khi Liên Xô đề nghị cử bộ đội phòng không và sĩ quan điều khiển tên lửa giúp Việt Nam, Trung Quốc không thống nhất hành động cùng Liên Xô tại Việt Nam. Chu Ân Lai, một người bạn của Hồ Chí Minh nói: “Tôi không chủ trương tình nguyện của Liên Xô có mặt ở Việt Nam và cả viện trợ của Liên Xô cho Việt Nam, tôi cũng thấy không có còn hơn là có”¹⁷. Hồ Chí Minh chỉ đạo bàn với

Liên Xô tạm gác kế hoạch thống nhất hành động. Đồng thời Hồ Chí Minh vẫn giữ vững lập trường chỉ tiếp nhận bộ đội phòng không và công binh làm đường Trung Quốc sang giúp mấy tỉnh biên giới phía Bắc, khéo léo từ chối tiếp nhận quân đội Trung Quốc vào tham chiến. Nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh vừa đảm bảo đường lối độc lập, tự chủ của ngoại giao Việt Nam, vừa giới hạn được phạm vi cuộc chiến, góp phần bảo vệ hòa bình của khu vực và thế giới. Để hàn gắn mối quan hệ Xô-Trung, Hồ Chí Minh đã gợi ý nên tổ chức họp các Đảng cộng sản và công nhân tại Moscow. Cuộc họp đã được tổ chức năm 1960 với sự tham dự của 81 đoàn đại biểu. Hồ Chí Minh đã thuyết phục được N.Khorútsốp và Lưu Thiểu Kỳ ký Tuyên bố chung, tránh sự tan vỡ của hội nghị. Tại tiệc chiêu đãi do đồng chí Lưu Thiểu Kỳ tổ chức năm 1963, trong bài đáp từ, Hồ Chí Minh khéo léo kêu gọi: “Vi hạnh phúc của loài người hiện tại, vì tương lai tốt đẹp của con cháu muôn đời, tất cả các đảng anh em chúng ta, trước hết là Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc, đoàn kết một lòng, dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lênin và trên cơ sở hai bản tuyên bố Mátxcova năm 1957 và năm 1960. Chúng ta quyết cùng nhau chiến đấu chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc, thì nhất định giành được thắng lợi cuối cùng... Tình đoàn kết nhất trí giữa các nước xã hội chủ nghĩa và các đảng cộng sản anh em muôn năm!”¹⁸.

Đối với cán bộ ngoại giao Việt Nam, Hồ Chí Minh yêu cầu phải giữ thái độ bình tĩnh, tuyệt đối không được tỏ thái độ đứng về bên này chống lại bên kia, có những phát biểu thiên lệch. Trong phiên thảo luận của Hội nghị Trung ương 9 khóa III, Người giải thích rõ trong việc ứng xử với Liên Xô và Trung quốc phải vừa khéo léo, vừa kiên quyết đấu tranh. Tất cả mục đích là vì đoàn kết. Vì đoàn kết mà phải tranh đấu. Tranh đấu là để đoàn kết chứ không nói xấu ai. Phải làm sao cho trong đảng và trong nhân dân giữ được lòng yêu mến và biết ơn các nước bạn anh em... Đó là “thiên kinh địa nghĩa”, đồng thời không nên coi sự bất đồng giữa các nước anh em là chuyện lạ¹⁹. Mặc dù những bất đồng lớn giữa Liên Xô và Trung Quốc có những bất lợi cho cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, nhờ sự

sáng suốt, ứng xử khéo léo của Hồ Chí Minh, Việt Nam vẫn giữ được cân bằng trong mối quan hệ Xô-Trung, không đi với nước này chống lại nước khác. Về vấn đề này, đồng chí Lê Duẩn đã kết luận: “Ta độc lập, không nghe ai cả”²⁰. Đến những năm cuối cuối thập kỷ 1960, sự giúp đỡ về vật chất và tinh thần của cả hai cường quốc Liên Xô là một trong những nhân tố quan trọng đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam đi đến thắng lợi.

Ra đời trong bối cảnh thế giới có nhiều giằng co, toan tính phức tạp, nghệ thuật ngoại giao với các cường quốc của Hồ Chí Minh từng bước đưa nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thoát khỏi vòng vây, xác lập vị thế của mình trên bàn cờ chính trị quốc tế với lập trường bình đẳng và tương ái để xây dựng hòa bình thế giới lâu dài.

4. Tăng cường ngoại giao với các cường quốc - yếu tố quan trọng để nâng cao vị thế của Việt Nam trên bàn cờ chính trị quốc tế hiện nay

Trong những năm gần đây, quan hệ ngoại giao giữa các cường quốc có những biến động phức tạp, khó dự đoán. Sự điều chỉnh chính sách ngoại giao của các cường quốc đối với khu vực châu Á-Thái Bình Dương tạo ra sự cạnh tranh, cọ sát quyết liệt giữa các nước nhằm tranh giành địa bàn ảnh hưởng chiến lược và kiềm chế lẫn nhau. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần tiếp tục vận dụng sáng tạo nghệ thuật ngoại giao với các nước lớn của Hồ Chí Minh để tạo lập môi trường hòa bình, ổn định, tiếp tục khẳng định thế và lực của mình trên bàn cờ chính trị quốc tế hiện nay. Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã khẳng định: “Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác chiến lược và các nước lớn có vai trò quan trọng đối với sự phát triển và an ninh của đất nước, đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập vào thực chất”²¹. Trên cơ sở đó, Việt Nam cần triển khai đồng bộ các giải pháp quan trọng sau:

Thứ nhất, tiếp tục đưa quan hệ đối tác chiến lược với các nước lớn đi vào thực chất. Đến nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với hơn 180 nước, quan hệ kinh tế-thương mại với hơn 220 nước và vùng lãnh thổ. Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác toàn diện với tất cả các nước lớn trong thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc. Thành tựu của cuộc

cách mạng công nghệ 4.0 chủ yếu thuộc sở hữu của các nước lớn và các trung tâm kinh tế thế giới. Để tranh thủ nguồn vốn, thành tựu của khoa học và công nghệ, sớm đưa Việt Nam trở thành nước cơ bản về công nghiệp, Việt Nam cần đẩy mạnh trụ cột hợp tác kinh tế-thương mại và đầu tư với các cường quốc. Việt Nam có vị trí địa-chính trị quan trọng ở Đông Nam Á, nên để giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, Việt Nam cần đẩy mạnh trụ cột hợp tác an ninh-quốc phòng với các nước lớn.

Thứ hai, xử lý linh hoạt hai mặt giữa đối tượng và đối tác trong quan hệ với nước lớn được nêu lên từ Hội nghị TW8, khóa IX (7.2003). Các nước lớn hiện nay đã trở thành đối tác chiến lược của Việt Nam. Trong đối tác có đối tượng, trong đối tượng có đối tác. Cần khắc phục khuynh hướng mơ hồ, mất cảnh giác trong quan hệ với nước lớn. Việt Nam phải tiếp tục xử lý mối quan hệ với Mỹ và Trung Quốc theo tinh thần này. Mỹ là một trong những đối tác kinh tế hàng đầu của Việt Nam, song Việt Nam có nhiều vấn đề phải kiên trì đấu tranh không khoan nhượng với Mỹ như: vấn đề dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo. Mỹ là đối tượng có âm mưu chống phá chủ nghĩa xã hội. Trung Quốc là cường quốc đối tác láng giềng đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam. Giữa hai nước có điểm chung là cùng xây dựng chủ nghĩa xã hội, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Tuy nhiên, trong quan hệ với Trung Quốc, Việt Nam phải kiên trì, kiên quyết đấu tranh để giải quyết vấn đề biên giới, đặc biệt là vấn đề Biển Đông, vấn đề khai thác Vịnh Bắc Bộ thông qua các biện pháp hòa bình.

Thứ ba, thực hiện chính sách ngoại giao cân bằng, không “nhất biên đảo”, lợi dụng mâu thuẫn nhưng không bao giờ tự mình đối đầu với nước lớn. Trong lịch sử nền ngoại giao, mỗi khi Việt Nam ứng xử chưa linh hoạt, cân bằng, đánh giá chưa đúng tương quan lực lượng thường dễ bị bao vây. Vì vậy, “nhất biên đảo” là điều tối kỵ trong ngoại giao với nước lớn. Nghĩa là không đi với nước này để chống lại nước khác. Nếu như vậy, khi các nước lớn thỏa hiệp với nhau, các nước nhỏ phải hy sinh lợi ích cốt lõi của mình. Thái độ của Liên Xô và Trung Quốc đối với Việt Nam trong các cuộc hòa đàm với Pháp và Mỹ là những bài học sâu sắc đối với ngoại giao

Việt Nam khi thể giới không còn tập hợp lực lượng theo ý thức hệ. Hiện nay, Việt Nam phải tiếp tục khai thác lợi thế các nguồn lực chính trị để “cân bằng hóa” quan hệ với các nước lớn, lợi dụng mâu thuẫn trong quan hệ Mỹ-Trung nhưng không bao giờ tự mình đối đầu với các cường quốc này.

¹ Hồ Chí Minh: sdd, tập 4, tr. 204.
² Dẫn theo Dixxe R. Bartholomew-Feis: OSS và Hồ Chí Minh đồng minh bất ngờ trong cuộc chiến chống phát xít Nhật, Nxb Thế Giới, Hà Nội 2007, tr.237.
³ Dixxe R. Bartholomew-Feis: sdd, tr. 240.
⁴ Trần Minh Trường: *Vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng, nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh trong tình hình mới*, Nxb.CTQGST. Hà Nội 2017, tr. 88.
⁵ Hồ Chí Minh: sdd, tập 6, tr. 144-145.
⁶ Lưu Văn Lợi – Nguyễn Anh Vũ: *Tiếp xúc bí mật Việt Nam – Hoa Kỳ trước Hội nghị Pari*, Nxb.CTQGST. Hà Nội 2017, tr.306.
⁷ Hồ Chí Minh: sdd, tập 3, tr. 394
⁸ Hồ Chí Minh: sdd, tập 6, tr. 254.
⁹ Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: sdd, tập 4, tr. 318.

¹⁰ Hồ Sĩ Quý: *Một số vấn đề về dân chủ, độc tài và phát triển*, Nxb.LLCT. Hà Nội 2014, tr.104.
¹¹ Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: sdd, tập 4, tr.327.
¹² Võ Nguyên Giáp: *Đường tới Điện Biên Phủ*, Nxb QĐND. Hà Nội 1999, tr.15.
¹³ Nguyễn Thị Hương: “*Hồ Chí Minh với quan hệ Việt-Trung trong những năm 1950-1960*”, *Tạp chí Khoa học ĐHSP TpHCM*. Số 60.2014, tr.37.
¹⁴ Trần Minh Trường: sdd, tr.89.
¹⁵ Võ Nguyên Giáp: *Nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, NxbCAND. Hà Nội 2006, tr.107
¹⁶ Tiêu Thi Mỹ: *Mưu lược Mao Trạch Đông*, Nxb.CTQG. Hà Nội 2016, tr.346.
¹⁷ Phạm Quang Minh: *Quan hệ tam giác Việt Nam-Liên Xô –Trung Quốc trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954-1975)*, Nxb.Đại học Quốc gia Hà Nội 2015, tr.107.
¹⁸ Hồ Chí Minh: sdd, tập 14, tr. 92-93
¹⁹ Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: sdd, tập 8, tr. 361-362.
²⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 29, Nxb.CTQG. Hà Nội 2004, tr. 38.
²¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Nxb.CTQG, Hà Nội 2016, tr.155.

(tiếp theo trang 6) GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Thật sự chăm lo cho tổ chức của phụ nữ là hệ thống Hội Phụ nữ Việt Nam, nhất là từ cơ sở, thật sự là người đại diện cho tiếng nói và quyền lợi của phụ nữ, chăm lo ngày càng nhiều hơn, tốt hơn cuộc sống vật chất, văn hóa, tinh thần đối với phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới thật sự cho một nửa dân số, tạo điều kiện để chị em vươn lên đảm đương vai trò trong xã hội và gia đình.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t. 12, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự Thật, Hà Nội, 2011, tr.300.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, Nxb CTQG, H.2000, tr.112.
³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 3, tr. 523.
⁴ *Hồ Chủ tịch với vấn đề giải phóng phụ nữ*, NXB Phụ nữ, H, 1970, tr.31.
⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t. 5, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000, tr.343-344.
⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t. 5, sdd, tr.408.
⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t. 6, tr.432.
⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t. 10, Nxb Chính trị quốc gia, Năm 2009, , tr. 296.
⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t. 15, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự Thật, Hà Nội, 2011, tr. 617.